

Số: 2135/QĐ-UBND

An Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của
Viettel An Giang đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề cương và dự toán Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 63/TTr-STTTT ngày 27 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel An Giang đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Quy hoạch phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Viettel tại tỉnh An Giang

1. Quy hoạch cột ăng ten

a) Quan điểm quy hoạch:

Phát triển thêm trạm 4G LTE. Về mặt triển khai, các trạm 4G dùng tần 1800MHz sử dụng cho vùng phủ và các trạm 4G dùng tần 2600MHz sử dụng

cho lưu lượng. Hầu hết, các trạm 4G sẽ triển khai trên cùng hạ tầng với trạm 3G, ngoài ra bổ sung thêm các trạm 4G 2600MHz đảm bảo vùng phủ do tần số cao hơn, vùng phủ kém hơn.

Bổ sung các vị trí 2G, 3G để đáp ứng cho nhu cầu lưu lượng.

b) Kết quả quy hoạch:

Dựa trên quan điểm quy hoạch trên, có kết quả sau:

STT	Huyện/Thị xã/Thành phố	Kế hoạch phát triển trạm		
		2018	2019	2020
1	Long Xuyên	16	13	2
2	Chợ Mới	8	19	2
3	Phú Tân	3	5	3
4	Tân Châu	4	1	0
5	Châu Đốc	6	3	0
6	An Phú	2	6	0
7	Tịnh Biên	8	5	2
8	Tri Tôn	11	8	5
9	Thoại Sơn	7	12	3
10	Châu Thành	6	6	0
11	Châu Phú	3	8	2
	Tổng	74	86	19

2. Quy hoạch cấp ngân viễn thông

a) Quan điểm quy hoạch:

Nhằm phục vụ trạm BTS lên mới, đáp ứng triển khai mạng di động 4G, kiên cố mạng cáp.

b) Kết quả quy hoạch:

STT	Huyện/Thị xã/Thành phố	KH triển khai cáp ngầm					
		2018		2019		2020	
		Số tuyến	Km	Số tuyến	Km	Số tuyến	Km
1	Long Xuyên	5	18,7	1	8,5	2	16
2	Chợ Mới	0	0	0	0	5	47
3	Phú Tân	0	0	0	0	2	38
4	Châu Đốc	0	0	1	8	0	0
5	An Phú	0	0	0	0	3	42,5
6	Tịnh Biên	0	0	0	0	2	36
7	Tri Tôn	0	0	0	0	2	37,5
8	Thoại Sơn	0	0	0	0	2	70
9	Châu Thành	0	0	0	0	3	51,5
10	Châu Phú	0	0	0	0	1	29
11	Tân Châu	0	0	0	0	4	48,5
	Tổng	5	18,7	2	16,5	26	416

II. Giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp thực hiện chủ yếu

a) Giải pháp tuyên truyền

Cùng với các cơ quan quản lý viễn thông tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách phát triển về viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nói riêng đến mọi người dân nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về viễn thông thụ động. Đặc biệt đối với các tuyến đường cần giải phóng mặt bằng, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng viễn thông sẽ phối hợp để tuyên truyền đến mọi người dân

đầy đủ thông tin, giải đáp thắc mắc, tránh khiếu kiện gây khó khăn và kéo dài thời gian thi công.

b) Giải pháp đầu tư, phát triển hạ tầng

Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đối với những công trình mới xây dựng phù hợp với quy hoạch.

Triển khai sử dụng chung hạ tầng từ thời điểm xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động, các doanh nghiệp tham gia sử dụng chung hạ tầng phải cùng đầu tư xây dựng và chia sẻ sử dụng theo mức đầu tư.

Nếu không đầu tư xây dựng hạ tầng, sẽ chấp nhận mức giá cho thuê hạ tầng viễn thông theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với hạ tầng công, bề cáp trong các trường hợp cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây mới sẽ thực hiện phù hợp với từng vị trí, từng tuyến đường, từng khu vực đảm bảo việc phát triển hạ tầng phù hợp và có tính đến yếu tố duy tu, sửa chữa và nâng cấp một cách dễ dàng, thời gian thi công nhanh, ít ảnh hưởng đến cộng đồng. Hạ tầng công, bề cáp có thể xây dựng dưới dạng hầm hào kỹ thuật hoặc chôn cáp trực tiếp.

c) Giải pháp thực hiện đồng bộ quy hoạch

Thường xuyên theo dõi và lấy thông tin từ các ngành, địa phương về tiến độ xây dựng hạ tầng tỉnh để triển khai thực hiện đồng bộ với quá trình xây dựng các công trình liên quan (giao thông, đô thị, công trình ngầm, cột treo cáp, ...).

Đối với các công trình di dời, mở rộng đường, phải tính đến hạng mục cáp viễn thông, tránh chồng chéo trong công tác vận hành khai thác.

d) Giải pháp về khoa học công nghệ

Phát triển công nghệ viễn thông đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng; công nghệ vô tuyến băng rộng, công nghệ truyền dẫn cáp quang (thay thế cáp đồng), cáp ngầm, ... Ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường, trạm nguy trang, trạm dùng chung cơ sở hạ tầng, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Thực hiện thí điểm đề án: “Triển khai trạm BTS thân thiện môi trường kết hợp điểm thông tin đa năng trên địa bàn tỉnh”.

Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi: kỹ thuật khoan ngầm, khoan định hướng, ...

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng mạng viễn thông: quản lý dựa trên bản đồ số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

2. Khái toán nguồn vốn:

a) Xây dựng hạ tầng cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động

Nguồn đầu tư: Đầu tư phát triển của Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2018-2020

Hạng mục đầu tư: Xây dựng BTS.

Mức đầu tư: (VNĐ)/vị trí cột

STT	Hạng mục	ĐVT	Suất vốn đầu tư theo vùng lương		
			Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4
1	Trạm BTS cột tự đứng 9m trên mái	Trạm	598.233.844	592.186.252	586.127.658
2	Trạm BTS cột dây co 15m trên mái	Trạm	620.034.169	613.659.912	610.157.312
3	Trạm BTS cột monopole 22m	Trạm	719.800.536	711.037.541	706.351.341
4	Trạm BTS cột monopole 36m	Trạm	967.070.968	931.844.123	926.877.088
5	Trạm BTS cột dây co 36m	Trạm	770.800.793	759.896.333	755.682.747
6	Trạm BTS cột dây co 42m, 48m	Trạm	800.342.197	788.567.548	787.227.089
7	Trạm BTS cột dây co 54m	Trạm	850.856.605	838.179.074	831.542.343
8	Trạm BTS cột dây co 60m	Trạm	879.111.322	865.581.263	858.620.903

Quy mô: dự kiến 179 vị trí cột ăng ten

Tổng nguồn vốn: 146.188.101.609 đồng

Phân kỳ đầu tư:

STT	Dự án	Nguồn vốn		Nhu cầu đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
		Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa		
			146.188.101.609		
1	Triển khai mạng thông tin di động năm 2018		61.950.164.897	61.950.164.897	2018
2	Triển khai mạng thông tin di động năm 2019		68.962.114.254	68.962.114.254	2019
3	Triển khai mạng thông tin di động năm 2020		15.275.822.458	15.275.822.458	2020

b) Hạ tầng lắp đặt cáp

Nguồn đầu tư: Đầu tư phát triển của Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2018-2020

Hạng mục đầu tư: Triển khai hạ tầng công bố cấp ngầm.

Mức đầu tư:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Suất vốn đầu tư theo vùng lương		
			Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4
1	Tuyến cáp chôn trực tiếp cáp quang	1 km	145.925.880	139.513.661	135.238.585

	24fo				
2	Tuyến cáp công bề 2 ống, cáp quang 24fo	1 km	469.480.893	455.427.204	446.057.494

Quy mô: 220,7 km

Tổng vốn đầu tư: 71.056.498.027 đồng

Phân kỳ đầu tư:

STT	Dự án	Nguồn vốn		Nhu cầu đầu tư	Thời gian thực hiện
		Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa		
			71.056.498.027		
1	Triển khai mới tuyến cáp ngầm năm 2018		8.779.292.699	8.779.292.699	2018
2	Triển khai mới tuyến cáp ngầm năm 2020		62.277.205.328	62.277.205.328	2020

c) Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Đơn vị chủ trì: Tổng công ty mạng lưới Viettel

Thời gian thực hiện: từ năm 2018-2020

Nguồn đầu tư: Vốn Đầu tư phát triển của Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội.

Tổng nguồn vốn: theo thực tế triển khai tại địa bàn.

Hạng mục đầu tư:

- Đào tạo, bồi dưỡng, tham quan học tập nâng cao trình độ phục vụ công tác triển khai, vận hành khai thác và ứng cứu thông tin...

- Khảo sát, triển khai, giám sát, nghiệm thu các dự án...

- Trang thiết bị, công cụ dụng cụ, máy đo phục vụ công tác triển khai quy hoạch, ứng cứu thông tin...

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, báo cáo việc xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Viettel An Giang và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. TU, HỘND, UBND tỉnh;
- Đài PTTH An Giang, Báo An Giang;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KGVX, KT, NC;
- TT CB-TH (đăng công báo);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình